

Bản án số: **145/2019/HS-PT**

Ngày: 17-5-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Nam Phương

Các thẩm phán: Bà Võ Thị Thanh Phương

Ông Nguyễn Thành Lượng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Linda – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Quang Minh – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai tiến hành xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 51/2019/TLPT-HS ngày 25 tháng 01 năm 2019 đối với bị cáo Trần Minh T do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 143/2018/HS-ST ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân thị xã Long Khánh.

Bị cáo có kháng cáo:

Trần Minh T, sinh năm 1987 tại Hậu Giang, HKTT: Ấp B, xã L, thành phố T1, tỉnh Hậu Giang; Nghề nghiệp: Thợ sơn; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên Chúa; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Anh D, sinh năm 1958 và bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1965; Có vợ là Ngô Thị Thúy U, sinh năm 1990; có 01 con, sinh năm 2012; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 25/9/2018 đến nay, bị cáo hiện đang tại ngoại – *Có mặt*;

- Bị cáo không có kháng cáo: Trần Ngọc T1 (Tên gọi khác: Tý), sinh năm 1995 tại Đồng Nai;

Nơi cư trú: Tổ 5, ấp T2, xã T2, thị xã K, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên Chúa; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Anh D, sinh năm 1958 và bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1965; Bị cáo chưa có vợ con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 02/4/2018 đến nay, bị cáo hiện đang tại ngoại – *Có mặt*

- Người bị hại: Anh Phạm Phú L1, sinh năm 1979 và chị Phạm Thúy H, sinh năm 1982 – *Có mặt*;

Cùng trú tại: 94/13, đường K1, khu phố 4, phường A, thị xã K, tỉnh Đồng Nai.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị hại:* Ông Thiêm Diên T3 – Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Nai – *Có mặt;*

Địa chỉ: Số 95, đường Đ, phường A, thị xã K, tỉnh Đồng Nai.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1965 – *Có mặt;*

Địa chỉ: Tổ 05, ấp T2, xã T2, thị xã K, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ ngày 29/10/2017, bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1965, ngụ ấp T2, xã T2, thị xã K, Đồng Nai kể lại việc cháu Phạm Phú Gia H1, sinh năm 2013, con của anh Phạm Phú L1, sinh năm 1979 và chị Phạm Thúy H1, sinh năm 1982 (cùng nơi cư trú với bà P) nghịch phá cây đình lăng trước nhà cho hai người con là Trần Minh T và Trần Ngọc T1 nghe. Sau đó, bà P, T và T1 cùng đến nhà anh L1 để nói chuyện. Khi anh L1 đang đứng ở trước cửa nhà thì Tiến cầm cây chổi quét sân chỉ vào mặt anh L1, anh L1 gạt ra và hai bên xông vào xô sát nhau. Chị H1 chạy ra can thì bị bà P xô ngã, T cũng xông vào xô sát với vợ chồng anh L1. Sau đó, T chạy về nhà lấy một cây gậy tầm vông sơn màu trắng, đồ dài 1,2m, còn Tiến chạy sang bên đường lấy một cục đá kích thước 20cmx20cm. T dùng cây gậy tầm vông đánh vào người của anh L1 02 cái, 01 cái trúng vào đùi và 01 cái trúng vào tay trái làm gãy ngón tay trở bàn tay trái, gây thương tích. Anh L1 bị đau nên chạy vào trong nhà thì T1 cầm cục đá định ném về phía anh L1. Thấy vậy, chị H1 chạy đến can ngăn thì bị Tiến dùng cục đá đập trúng vào đầu chị H1, gây thương tích. Lúc này, anh Lê Văn S, sinh năm 1987; anh Hà Văn Đ, sinh năm 1985 (là hàng xóm) chạy đến can. Bà P, T và T1 bỏ về nhà. Anh L1, chị H1 được đưa đi Bệnh viện đa khoa khu vực K để điều trị. Sau đó, anh L1, chị H1 đã làm đơn tố cáo hành vi nêu trên của T, T1.

Tại giấy chứng nhận thương tích số 1321/CN-BV ngày 02/11/2017, Bệnh viện đa khoa khu vực K thể hiện, anh Phạm Phú L1 vào viện lúc 11 giờ 15 phút ngày 29/10/2017 có những thương tích sau:

- Sưng nề bầm tím ngón 2 tay trái.
- Bầm tím 1/3 giữa mặt ngoài đùi trái kích thước: 05cm x 02cm
- Kết quả chụp X-quang bàn tay trái: gãy đốt 1, 2 ngón 2 tay trái (bút lục số 21).

Tại giấy chứng nhận thương tích số 1322/CN-BV ngày 02/11/2017, Bệnh viện đa khoa khu vực K thể hiện, chị Phạm Thúy H1 vào viện lúc 11 giờ 15 phút ngày 29/10/2017 có những thương tích sau:

- Vết thương vùng trán đỉnh đường kính 0,5cm.
- Sưng nề vùng trán đỉnh đường kính 07cm.

- 01 vết xước da mặt ngoài 1/3 dưới cánh tay trái dài 10cm.
- Xây xước da 1/3 trên mặt ngoài cẳng chân trái kích thước: 05cm x 03cm (bút lục số 26).

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 0932/GDPY/2017 ngày 13/11/2017, Trung tâm pháp y Đồng Nai kết luận:

-Tổn thương gây nên đốt 1(đốt gần) ngón 2 bàn tay trái, cứng khớp đốt bàn. Tỷ lệ: 07%.

-Tổn thương gây đốt 2 ngón 2 bàn tay trái: 01%.

Tỷ lệ tổn thương cơ thể của anh Phạm Phú L1 (áp dụng theo phương pháp cộng lùi) do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là 08% (tám phần trăm); vật gây thương tích: vật tày (bút lục số 23).

Ngày 22/5/2018, anh L1 có đơn xin giám định lại tỷ lệ thương tật của mình.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 0417/GDPY/2018 ngày 31/5/2018, Trung tâm pháp y Đồng Nai kết luận:

- Tổn thương gây nên đốt 1 ngón 2 tay trái, hiện để lại **cứng khớp** liên đốt bàn ngón 2 tay trái. Tỷ lệ 07%.

- Tổn thương gây nên đốt 2 ngón 2 tay trái, hiện để lại **cứng khớp** liên đốt 1 và 2 ngón 2 tay trái. Tỷ lệ: 03%.

Tỷ lệ tổn thương cơ thể của anh Phạm Phú L1 (áp dụng theo phương pháp cộng lùi) do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là 10% (mười phần trăm, bút lục số 31, 32).

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 0931/GDPY/2017 ngày 13/11/2017, Trung tâm pháp y Đồng Nai kết luận:

- Vết thương trán - đỉnh trái để lại sẹo kích thước 01x 0,1cm. Tỷ lệ: 01%.

Tỷ lệ tổn thương cơ thể của chị Phạm Thúy H1 do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là: 01% (một phần trăm); vật gây thương tích: vật tày (bút lục số 28).

Trong quá trình điều tra bị cáo T1 đã thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của mình, bị cáo T1 giao nộp số tiền 5.000.000 đồng để bồi thường một phần dân sự cho chị H1; các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Tuy nhiên, riêng bị cáo T không thừa nhận đã dùng gậy tầm vông đánh anh L1.

Về vật chứng thu giữ: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Long Khánh đã thu giữ 01 (một) cây gậy tầm vông sơn màu trắng, đồ dài 1,2m và 01 (một) cục đá ong kích thước 20 x 20cm.

Về phần dân sự: Anh Phạm Phú L1 yêu cầu bồi thường số tiền là 27.333.800 đồng; chị Phạm Thúy H1 yêu cầu bồi thường số tiền là 8.096.060 đồng. Hiện bị cáo T1 mới chỉ giao nộp số tiền bồi thường cho chị H1 là 5.000.000 đồng.

Tại bản án sơ thẩm số 143/2018/HS-ST ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân thị xã Long Khánh đã quyết định:

Áp dụng điểm a, khoản 1, Điều 104 bộ luật hình sự năm 1999(sửa đổi, bổ sung năm 2009), điểm i, khoản 1, Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015(sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Trần Minh T 08 (Tám) tháng tù về tội “*Cố ý gây thương tích*”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo vào trại thụ hình án.

Áp dụng điểm a, khoản 1, Điều 104 bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009), điểm b, i, s khoản 1, Điều 51, Điều 58, Điều 36 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Trần Ngọc T1 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ cùng về tội “*Cố ý gây thương tích*”.

Tuyên về về biện pháp tư pháp:

Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Tịch thu tiêu hủy 01 (một) cây gây tầm vông sơn màu trắng, đồ dài 1,2m và 01 (một) cục đá ong kích thước 20 x 20cm (tại biên bản giao nhận vật chứng ngày 26/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Thị xã Long Khánh).

Tuyên về phần dân sự: Căn cứ Điều 584, 585 và 590 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc các bị cáo Trần Minh T và Trần Ngọc T1 liên đới bồi thường cho anh Phạm Phú L1 và chị Phạm Thúy H1 chi phí điều trị thương tích là: 35.322.678đ (bị cáo Tiến đã giao nộp 5.000.000đ hiện đang tạm giữ tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Long Khánh). Trong đó số tiền bồi thường cho anh L1 là: 27.333.800đ (hai mươi bảy triệu, ba trăm ba mươi ba ngàn, tám trăm đồng) và số tiền bồi thường cho chị H1 là: 7.988.878đ (bảy triệu, chín trăm tám mươi tám ngàn, tám trăm bảy mươi tám đồng).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 10/12/2018, bị cáo Trần Minh T kháng cáo đề nghị sửa một phần bản án hình sự sơ thẩm và tuyên bị cáo không phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo T không thừa nhận tội và khẳng định có cầm cây tầm vông nhưng không đánh anh L1, đề nghị Tòa xem xét.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai: Căn cứ toàn bộ chứng cứ có tại hồ sơ cũng như lời khai của các bị cáo, người bị hại, người làm chứng, vật chứng thu được, đã đủ cơ sở khẳng định thương tích của bị hại Phạm Phú L1 là do bị cáo Trần Minh T gây ra. Không có căn cứ xem xét đơn kháng cáo kêu oan của bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư trình bày: Thống nhất quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm, hành vi phạm tội của bị cáo đã rõ, đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Các cơ quan tiến hành tố tụng đều thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục theo quy định pháp luật tố tụng hình sự. Các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều không có ý kiến, khiếu nại gì về tố tụng. Kháng cáo của bị cáo Trần Minh T trong hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về chứng cứ: Đã đủ cơ sở khẳng định án sơ thẩm áp dụng điểm a khoản 1 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999 để xét xử các bị cáo là có cơ sở, bởi lẽ các bị cáo đã dùng đá, gây tâm vong được xác định là hung khí nguy hiểm dễ gây thương tích cho các bị hại.

[3] Đối với bị cáo Trần Ngọc T1: Bị cáo thừa nhận hành vi đúng như cáo trạng và án sơ thẩm đã xét xử, mức án Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo (06 tháng cải tạo không giam giữ) là phù hợp.

[4] Đối với bị cáo Trần Minh T: Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo không thừa nhận tội, bị cáo cho rằng mình không gây thương tích cho anh Phạm Phú L1, qua xem xét toàn bộ chứng cứ trong hồ sơ, xét thấy:

- Về thời điểm phạm tội: Các bị cáo, bị hại đều khẳng định thời điểm xảy ra xô xát vào khoảng 10 giờ 25 phút ngày 29/10/2017.

- Lời khai người bị hại, người làm chứng, bị cáo khẳng định tại nơi xô xát xảy ra, chỉ có 02 bị cáo, 02 bị hại và bà Nguyễn Thị P.

- Cây gây tâm vong do bị cáo T mang đến và các nhân chứng khẳng định chính bị cáo T dùng cây tâm vong đánh bị hại L1 02 cái gây thương tích cho anh L1 là phù hợp với Giấy chứng nhận thương tích của bệnh viện đa khoa khu vực K về thời gian anh L1 vào viện lúc 11 giờ 15 phút ngày 29/10/2017, về thương tích của anh L1 (sung nề tím ngón tay, bầm tím đùi trái,...), về vật gây thương tích (vật tày).

- Vật chứng thu giữ phù hợp diễn biến vụ án là cây tâm vong và cục đá ong thu tại hiện trường. Như vậy, đủ cơ sở khẳng định chính bị cáo T gây thương tích cho anh L1 với tỷ lệ thương tích là 10%. Bị cáo cho rằng thương tích của anh L1 không do bị cáo gây ra là không có cơ sở.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Cấp sơ thẩm căn cứ quy định pháp luật buộc các bị cáo bồi thường cho hai bị hại tổng cộng 35.322.678 đồng là có cơ sở (Bị hại L1: 27.333.800 đồng, bị hại H1 là 7.988.878 đồng). Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên hai bị cáo phải liên đới bồi thường cho hai bị hại nhưng lại không tuyên cụ thể mỗi bị cáo phải bồi thường bao nhiêu là có thiếu sót (không thể thi hành án được). Tòa án cấp phúc thẩm cần sửa phần tuyên về trách nhiệm dân sự. Căn cứ vào diễn biến vụ án, hậu quả các bị cáo gây ra thì bị cáo T gây thương tích cho anh L1 nên bị cáo phải bồi thường cho anh L1 là 27.333.800 đồng, bị cáo Tiến gây thương tích cho chị H1 nên bị cáo T1 phải bồi thường cho chị H1 7.988.878 đồng. Án phí dân sự sơ thẩm cũng được tính cụ thể cho từng bị cáo theo quy định pháp luật.

[6] Ngoài ra, tại phần Quyết định của bản án sơ thẩm tuyên xử phạt bị cáo Trần Ngọc T1 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ mà không tuyên về thời

điểm bắt đầu tính thời gian cải tạo không giam giữ và việc khấu trừ thu nhập cá nhân đối với bị cáo là thiếu sót, cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm. Về việc khấu trừ thu nhập cá nhân: Căn cứ vào các biên bản làm việc tại Cơ quan điều tra, xét thấy bị cáo Tiến có hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo phải đi làm thuê, không xác định được chính xác thu nhập cụ thể, do đó cho bị cáo được miễn việc khấu trừ thu nhập trong thời gian chấp hành án.

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa phù hợp một phần nhận định của Hội đồng xét xử.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự 2015;

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Minh T, sửa một phần bản án sơ thẩm số 143/2018/HS-ST ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân thị xã Long Khánh về phần dân sự và thời điểm chấp hành án;

2. Tuyên bố bị cáo Trần Minh T phạm tội “Cố ý gây thương tích”;

3. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm i khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Trần Minh T 08 (tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo vào trại thụ hình án.

4. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 104 bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009); điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 36 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Trần Ngọc T1 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ cùng về tội “Cố ý gây thương tích”, thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo bị cáo T1 cho Ủy ban nhân dân xã T2 giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo T1 có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã T2 trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Miễn việc khấu trừ thu nhập của bị cáo T1 trong thời gian chấp hành án.

5. Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng Điều 584, 585, 590 Bộ luật Dân sự năm 2015, buộc các bị cáo Trần Minh T và Trần Ngọc T1 liên đới bồi thường cho anh Phạm Phú L1 và chị Phạm Thúy H1 chi phí điều trị thương tích là: 35.322.678đ (Ba mươi lăm triệu ba trăm hai mươi hai nghìn đồng), cụ thể: Bị cáo Trần Minh T phải bồi thường cho anh Phạm Phú L1 27.333.800đ (Hai mươi bảy triệu ba trăm ba mươi ba nghìn tám trăm đồng), bị cáo Trần Ngọc T1 phải bồi thường cho chị Phạm Thúy H1 7.988.878đ (Bảy triệu chín trăm tám mươi tám nghìn tám trăm bảy mươi tám đồng). Tiếp tục tạm giữ số tiền 5.000.000đ bị cáo Trần Ngọc T1 đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Long Khánh ngày 26/10/2018 để đảm bảo thi hành án cho khoản tiền bị cáo T1 phải bồi thường.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước quy định tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về án phí:

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

Mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Riêng bị cáo Trần Minh T còn phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo Trần Minh T phải nộp 1.366.000đ (Một triệu ba trăm sáu mươi sáu nghìn đồng). Bị cáo Trần Ngọc T1 phải nộp 399.000đ (Ba trăm chín mươi chín nghìn đồng).

7. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

8. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND H (2);
- VKSND H;
- Công an H;
- Chi cục THADS H;
- Phòng PV27 - CA tỉnh Đồng Nai;
- Bị cáo – Trại giam;
- Lưu HS (5).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Nam Phương